**CHỦ ĐỀ LỊCH SỬ - HAI BÀ TRƯNG**

# Tiểu sử Hai Bà Trưng: 2 nữ tướng huyền thoại của lịch sử dân tộc Việt Nam

**Hai Bà Trưng:** 13 tháng 9 năm 14 – 5 tháng 3 năm 43, là tên chỉ chung hai chị em [**Trưng Trắc**](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0ng_Tr%E1%BA%AFc) và [**Trưng Nhị**](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0ng_Nh%E1%BB%8B) , hai người phụ nữ được đánh giá là [anh hùng dân tộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Anh_h%C3%B9ng_d%C3%A2n_t%E1%BB%99c) của [người Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t).Trong sử sách, hai bà được biết đến như là những thủ lĩnh khởi binh chống lại chính quyền đô hộ của [Đông Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_H%C3%A1n), lập ra một quốc gia với kinh đô tại [Mê Linh](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%AA_Linh) và Trưng Trắc tự phong là [Nữ vương](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%E1%BB%AF_v%C6%B0%C6%A1ng). Thời kì của hai Bà xen giữa thời kỳ [Bắc thuộc lần 1](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%9Di_k%E1%BB%B3_B%E1%BA%AFc_thu%E1%BB%99c_l%E1%BA%A7n_th%E1%BB%A9_nh%E1%BA%A5t) và [Bắc thuộc lần 2](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%9Di_k%E1%BB%B3_B%E1%BA%AFc_thu%E1%BB%99c_l%E1%BA%A7n_th%E1%BB%A9_hai) trong [lịch sử Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam). [Đại Việt sử ký toàn thư](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t_s%E1%BB%AD_k%C3%BD_to%C3%A0n_th%C6%B0) coi Trưng Trắc là một vị [vua](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vua_Vi%E1%BB%87t_Nam) trong lịch sử, với tên gọi **Trưng Nữ vương**

## **SƠ LƯỢC VỀ HAI BÀ TRƯNG**

**Hai Bà Trưng** là thời kỳ xen giữa Bắc thuộc lần 1 và Bắc thuộc lần 2 trong lịch sử Việt Nam. Đây là tên gọi chung của hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị, là anh hùng dân tộc của người Việt, những thủ lĩnh khởi binh chống lại nhà Đông Hán của Trung Quốc, lập ra một quốc gia với kinh đô tại Mê Linh và tự phong là Nữ vương.

## **NGUỒN GỐC, TÊN GỌI CỦA HAI BÀ TRƯNG**

Quận Giao Chỉ được xác định vị trí là đất Bắc Bộ Việt Nam và một phần phía tây nam tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) hiện nay. Bộ sử cổ nhất của Việt Nam đề cập đến Hai Bà Trưng là Đại Việt sử lược. Theo sách này, Trưng Trắc là con gái Lạc tướng ở Mê Linh, lấy chồng là Thi Sách ở huyện Chu Diên.

Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Hai Bà Trưng vốn họ Lạc, là dòng dõi Lạc tướng ở Mê Linh. Trưng Trắc là vợ của Thi Sách ở huyện Chu Diên. Thi Sách cũng là con Lạc tướng, con hai nhà tướng kết hôn với nhau. Khi lên ngôi, Hai Bà mới đổi sang họ Trưng.

Truyền thuyết xác nhận quê nội Hai Bà Trưng ở làng Hạ Lôi và quê ngoại hai Bà ở làng Nam Nguyễn thuộc Ba Vì, Hà Nội2.

Mẹ Hai Bà là Man Thiện, được thần phả ghi tên là Trần Thị Đoan.

Tuy nhiên, theo các sử gia hiện đại, thời đầu công nguyên, người Việt chưa có họ. Tên Trần Thị Đoan của mẹ hai Bà chỉ là tên thần phả đặt sau này, khoảng thế kỷ 17, 18. Cả tên Man Thiện nghĩa là người Man tốt, có thể do người Hán gọi. Còn tên của hai Bà, có nguồn gốc từ nghê dệt lụa truyền thống của Việt Nam, tương tự như cách đặt tên theo các loài cá của các vua nhà Trần sau này vốn xuất thân từ nghề chài lưới.

Xưa kia nuôi tằm, tổ kén tốt gọi là kén chắc, tổ kén kém hơn gọi là kén nhì; trứng ngài tốt gọi là trứng chắc, trứng ngài kém hơn gọi là trứng nhì. Do đó, theo Nguyễn Khắc Thuần, tên hai bà vốn rất giản dị là Trứng Chắc và Trứng Nhì, phiên theo tiếng Hán gọi là Trưng Trắc và Trưng Nhị.

Khi chữ Hán chưa được truyền bá hoặc chưa có điều kiện thấm sâu vào nhận thức xã hội thì xu hướng đặt tên người rất giản dị và mộc mạc, thể hiện sự gắn bó với cuộc sống đời thường và xu hướng này còn tiếp tục trong các thế hệ sau. Sau này các sử gia phương Bắc viết chệch tên hai bà thành Trắc và Nhị với nghĩa “phản trắc” và “nhị tâm”.

Tên của ông Thi Sách, theo Thủy kinh chú của Trung Quốc xác định: chồng bà Trưng Trắc tên là Thi.

## **QUÁ TRÌNH KHỞI NGHĨA**

Do chính sách đồng hóa gắt gao và bóc lột hà khắc của nhà Đông Hán đối với người Việt tại Giao Chỉ đương thời, các Lạc tướng người Việt liên kết với nhau để chống lại nhà Hán. Trưng Trắc kết hôn với con trai Lạc tướng ở Chu Diên là Thi Sách, hai nhà cùng có chí hướng chống Hán. Khoảng năm 39-40, nhằm trấn áp người Việt chống lại, Thái thú Tô Định giết Thi Sách.

Trưng Trắc và các Lạc tướng càng căm thù, cùng Trưng Nhị mang quân bản bộ về giữ Hát Giang nay là xã Hát Môn huyện Phúc Thọ Hà Nội. Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 2 năm 40, Hai Bà Trưng chính thức phát động khởi nghĩa chống lại nhà Đông Hán. Cuộc khởi nghĩa được sự hưởng ứng của nhiều đội quân và nhân dân các nơi thuộc Âu Lạc và Nam Việt cũ. Quân Hai Bà đánh hãm trị sở Luy Lâu

Tô Định phải chạy về Nam Hải (Trung Quốc). Các quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng. Hai bà lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam. Trưng Trắc tự lập làm vua, xưng là Trưng Nữ Vương (hay Trưng Vương)

## **SỰ CAI TRỊ**

Hai Bà Trưng cai trị lãnh thổ vùng Lĩnh Nam của người Việt tương đương với Bộ Giao Chỉ của nhà Hán trong 3 năm. Thời gian cai trị ngắn ngủi và phải toan tính chuẩn bị chống lại cuộc chiến của nhà Hán khiến Hai Bà Trưng không có hoạt động gì đáng kể trong việc xây dựng lãnh thổ mà mình cai quản.

Do thời gian cai trị của Hai Bà Trưng không dài và không còn tài liệu để khôi phục lại hệ thống tổ chức bộ máy thời Hai Bà Trưng. Tuy nhiên, các sử gia căn cứ trên các sử liệu liên quan đến sự cai trị của nhà Hán trước và sau thời Hai Bà Trưng cho rằng, về cơ bản Hai Bà Trưng vẫn duy trì hệ thống quản lý của nhà Hán trước đó, do người Việt nắm giữ

Các quận, huyện do nhà Hán lập ra trên đất Âu Lạc và Nam Việt cũ, trên cơ sở các “bộ” thời Văn Lang và Âu Lạc được kế thừa. Sử sách xác nhận Hai Bà đóng đô ở huyện Mê Linh thuộc quận Giao Chỉ.

56 huyện thành mà Hai Bà Trưng giành được trong các quận: Quận Giao Chỉ, quận Cửu Chân, quận Nhật Nam, quận Hợp Phố, quận Thương Ngô, quận Uất Lâm, quận Nam Hải.

## **KHỞI NGHĨA CHỐNG HÁN**

Năm 19 tuổi, Trưng Trắc được gửi cho con trai quan Lạc tướng huyện Chu Diên là Thi Sách tức là năm Canh Thìn (32. CN). Vợ chồng đoàn tụ mới được vài năm thì Thi Sách bị Tô Định giết chỉ vì con hai nhà tướng kết hôn với nhau, trở thành một lực lượng lớn, không có nơi cho sự thống trị của nhà Hán.

Căm giận quân giặc bạo ngược, vì nợ nước nay lại thêm mối thù nhà, bà Trắc đã cùng với em là Nhị phát động trong toàn quận Giao Chỉ, tập hợp các Lạc hầu, Lạc tướng, kêu gọi quân sĩ và nhân dân nổi lên cùng đánh giặc. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam được tin quận Giao Chỉ khởi nghĩa đều nổi lên hưởng ứng.

“Một xin rửa sạch nước thù

Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng

Ba kêu oan ức lòng chồng

Bốn xin vẻn vẹn sở công lênh này”

Bà Trưng Trắc tiến hành tổ chức chứa tích lương thực, vận động thu dùng các anh hùng hào kiệt trung thiên hạ, những người cùng chí hướng, chiêu binh tuyển tướng ở các địa phương, nên người theo về ngày một đông. Tháng 3 năm 40, Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa ở huyện Mê Linh.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng được chia thành 2 giai đoạn:

### **LẦN 1: NĂM 40, SAU CÔNG NGUYÊN**

Hai Hà Trưng là Trưng Trắc và Trưng Nhị phất cờ khởi nghĩa vào mùa xuân năm 40 tại Hát Môn (nay là xã Hát Môn – Phúc Thọ – Hà Nội).

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng bùng nổ và thu hút được hào kiệt khắp nơi về gia nhập. Nghĩa quân đã nhanh chóng đánh bại được quân nhà Hán, làm chủ Mê Linh, rồi tiến về Cổ Loa và Lụy Châu. Quan thái thú Tô Định bỏ thành, chạy trốn về Nam Hải. Quân Hán ở các quận huyện khác cũng gặp thất bại. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40 đến đây đã dành được thắng lợi hoàn toàn.

### **LẦN 2: NĂM 42, SAU CÔNG NGUYÊN**

Năm 42, nhà Hán tăng cường chi viện, Mã Viện là người chỉ đạo cánh quân xâm lược này gồm có: 2 vạn quân tinh nhuệ, 2 nghìn xe thuyền và nhiều dân phu. Chúng tấn công quân ta ở Hợp Phố, nhân dân ở Hợp Phố đã anh dũng chống trả nhưng vẫn gặp thất bại trước quân Hán.

Sau khi chiếm được Hợp Phố, Mã Viện đã chia quân thành 2 đạo thủy bộ tiến Lục Đầu và gặp nhau tại Lẵng Bạc:

Đạo quân bộ: đi men theo đường biển, lẻn qua Quỷ Môn Quan để xuống Lục Đầu.

Đạo quân thủy: đi từ Hải Môn vượt biển tiến thẳng vào sông Bạch Đằng, sau đó từ Thái Bình đi lên Lục Đầu.

Sau khi nhận được tin tức, Hai Bà Trưng kéo quân từ Mê Linh về nghênh chiến với địch tại Lẵng Bạc. Quân ta giữ vững được Cổ Loa và Mê Linh nhưng Mã Viện tiếp tục đuổi theo buộc quân ta phải lùi về Cẩm Khê (nay thuộc Ba Vì – Hà Nội). Tháng 3 năm 43, Hai Bà Trưng hy sinh ở Cẩm Khê. Cuộc kháng chiến vẫn kéo dài đến tháng 11 năm 43 sau đó mới bị dập tắt.

>>> Hình phía dưới có thể copy dán sang Power Point

